

UBND TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Số: 230/QĐ-ĐHYKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 5 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
BAN HÀNH QUY ĐỊNH HƯỚNG DẪN, PHÂN CÔNG VỀ XÂY DỰNG, GIÁM SÁT, RÀ SOÁT, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Nghị quyết Đảng ủy năm học 2016-2017;

Căn cứ Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn đến 2030;

Căn cứ Văn bản hợp nhất 17/VBHN-BGDĐT 2014 Quyết định Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định, hướng dẫn quá trình xây dựng, giám sát/rà soát, thẩm định và phê duyệt chương trình dạy học, đề cương học phần chương trình đào tạo ngành Y khoa và Cử nhân điều dưỡng. theo đúng qui định của Bộ GD&ĐT.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng ban chức năng, các khoa bộ môn có liên quan tại Điều 1, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH (báo cáo)
- Các đơn vị trong nhà trường;
- Lưu: VT, TCCB, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Cảnh Phú

**QUY ĐỊNH HƯỚNG DẪN, PHÂN CÔNG VỀ XÂY DỰNG, GIÁM SÁT, RÀ
SOÁT, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH DẠY
HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 250/QĐ-ĐHYKV ngày 5 tháng 4 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Khoa Vinh).*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của Trường Đại học Y Khoa Vinh (sau đây gọi tắt là Nhà trường) và quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Y khoa Vinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các khoa, bộ môn được giao nhiệm vụ đào tạo (sau đây gọi tắt là Phòng đào tạo Trường Đại học Y Khoa Vinh).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tín chỉ là đơn vị tính khối lượng học tập của người học.

a) Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án;

b) Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.

2. Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với một trình độ đào tạo của giáo dục đại học là số lượng tín chỉ bắt buộc mà người học phải tích lũy được ở trình độ đào tạo đó, không bao gồm số lượng tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

3. Chương trình đào tạo là hệ thống kiến thức lý thuyết và thực hành được thiết kế đồng bộ với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập để đảm bảo người học tích lũy được kiến thức và đạt được năng lực cần thiết đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học.

4. Chuẩn đầu ra là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo,

được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

5. Năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp là khả năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và tâm huyết với nghề; bao gồm kiến thức, kỹ năng, tính chủ động sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành/chuyên ngành tương ứng đối với mỗi trình độ đào tạo.

Điều 4. Các thành phần của chương trình đào tạo

Rà soát và hoàn thiện và hoàn thiện chương trình đào tạo phải đảm bảo được 6 thành phần sau: Mục tiêu chương trình; Chuẩn đầu ra; Ý tưởng thiết kế chương trình; Khung chương trình; Ma trận các học phần và Đề cương học phần trong chương trình đào tạo.

- *Mục tiêu chương trình* là tuyên bố tổng quát về lý do tồn tại của chương trình, trong đó xác định mục tiêu tổng thể của chương trình đào tạo, bao gồm bối cảnh; nghề nghiệp; và sự nghiệp tương lai của người học sau khi tốt nghiệp.

- *Chuẩn đầu ra* là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

- *Ý tưởng thiết kế* mô tả chương trình đào tạo được thiết kế như thế nào để đáp ứng các mục tiêu, thể hiện qua những nguyên tắc chủ yếu và những xem xét làm cơ sở cho việc thiết kế chương trình đào tạo.

- *Khung chương trình đào tạo* bao gồm danh sách các học phần, số tín chỉ và trình tự các học phần trong chương trình đào tạo.

- *Ma trận các học phần* thể hiện sự phân bổ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo vào các học phần liên quan nhằm thể hiện rõ ràng những chuẩn đầu ra do từng học phần đảm trách. Ma trận các học phần đồng thời thể hiện trình tự học tập được hoạch định hay lộ trình phát triển các chuẩn đầu ra.

- *Đề cương học phần* thể hiện mục đích, chuẩn đầu ra và nội dung do học phần đảm trách, bao gồm tuyên bố về vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo; thể hiện sự kết nối của học phần với các chuẩn đầu ra của chương trình; và các hoạt động dạy học và đánh giá.

Chương II

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP MỖI TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 4. Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học

Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với các trình độ đào tạo của giáo dục đại học được quy định cụ thể như sau:

1. Trình độ đại học: Đối với những ngành có thời gian đào tạo 4 năm là 120 tín chỉ 6 năm thì khối lượng kiến thức tích lũy tối thiểu tương ứng là 180 tín chỉ.
2. Trình độ sau đại học: 60 tín chỉ. Đối với những chuyên ngành ở trình độ đại học tương ứng có khối lượng kiến thức tối thiểu tích lũy từ 150 tín chỉ trở lên thì khối lượng kiến thức tối thiểu trình độ sau đại học là 30 tín chỉ.

Điều 5. Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

Năng lực (Competence): là tổng hợp những thuộc tính của cá nhân con người, đáp ứng những yêu cầu của hoạt động và đảm bảo cho hoạt động đại được những kết quả cao.

Chuẩn năng lực (Competency Standard): là những mức trình độ, khả năng đáp ứng được nhu cầu công việc thực tế, được công nhận qua đánh giá, kiểm định theo những chuẩn năng lực nghề nghiệp. Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa là các năng lực bác sĩ đa khoa cần có khi thực hiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh tại Việt Nam (Quyết định số 1854/QĐ-BYT ngày 18/5/2015).

Năng lực nghề nghiệp (professional competency): là sự phù hợp giữa những thuộc tính tâm sinh lý của con người với những yêu cầu do nghề nghiệp đặt ra. Ở mỗi một nghề nghiệp khác nhau sẽ có những yêu cầu cụ thể khác nhau, nhưng tựu trung lại, năng lực nghề nghiệp được cấu thành bởi 3 thành tố: kiến thức chuyên môn, kỹ năng và thái độ hành nghề chuyên nghiệp.

Năng lực và năng lực nghề nghiệp đều không có sẵn mà được hình thành và phát triển liên tục qua học tập, lao động tích cực và thực hành chuyên môn. Trong quá trình hành nghề, các bác sĩ sẽ không ngừng học tập để phát triển thêm những năng lực mới phù hợp với nhiệm vụ được giao.

5.1. Các yêu cầu về chuẩn đầu ra đối với Y đa khoa:

Việc rà soát và hoàn thiện và ban hành Chuẩn năng lực cơ bản của Bộ y tế đối với ngành Y đa khoa có ý nghĩa rất quan trọng vì các lý do cơ bản sau đây:

5.1.1. Đối với xã hội:

- Tăng cường sự giám sát của người dân, người bệnh, cộng đồng về việc thực hiện những cam kết của nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo.

- Hạn chế và khắc phục tình trạng cung cấp dịch vụ y tế không đạt chất lượng hay sai lầm do thiếu năng lực.

5.1.2. Đối với cơ sở đào tạo:

- Là căn cứ để rà soát và hoàn thiện chuẩn đầu ra, xác định chương trình, phương pháp và nội dung học phù hợp cho chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa.

- Làm cơ sở cho sinh viên y đa khoa phấn đấu học tập và tự đánh giá năng lực nghề nghiệp của bản thân trong quá trình học tập và sau khi ra trường.

- Gắn nội dung đào tạo với hoàn cảnh thực tế kinh tế xã hội của đất nước.

5.1.3. Đối với cơ sở sử dụng và quản lý nhân lực bác sĩ đa khoa:

- Xác định phạm vi hành nghề của bác sĩ đa khoa.

- Xác định trách nhiệm và nghĩa vụ nghề nghiệp của người bác sĩ và giải quyết các sai phạm về đạo đức và hành nghề bác sĩ đa khoa.

- Là cơ sở để các nhà quản lý có kế hoạch và tạo cơ hội để bác sĩ đa khoa được đào tạo nâng cao nghề nghiệp.

5.1.4. Đối với hội nhập quốc tế: Là cơ sở để so sánh năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa Việt Nam với Bác sĩ đa khoa của các nước, thúc đẩy quá trình hội nhập và công nhận trình độ đào tạo giữa các nước trong khu vực và trên thế giới.

5.1.5. Đối với bác sĩ đa khoa: Là căn cứ để các bác sĩ đa khoa tự hoàn thiện và phát triển năng lực của mình để được cấp chứng chỉ hành nghề.

5.2. Các yêu cầu về chuẩn đầu ra đối với Đại học điều dưỡng

5.2.1. Khối kiến thức chung:

- Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Điều dưỡng nói riêng.

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

- Hiểu biết và vận dụng kiến thức về tâm lý y học trong việc thực hành điều dưỡng

5.2.2. Khối kiến thức chuyên môn:

- Có kiến thức tổng quát về cấu tạo và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý. Áp dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và kiến thức chuyên ngành Điều dưỡng trong cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Phân tích và vận dụng được các nguyên lý chăm sóc điều dưỡng, các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, và các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa tại bệnh

viện và cộng đồng trong việc chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc và phòng bệnh cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

- Hiểu biết rõ 25 chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam trong công việc chăm sóc người bệnh, trong công tác quản lý điều dưỡng và hành nghề điều dưỡng.

- Có kiến thức về các quy phạm pháp luật trong công tác khám chữa bệnh như: luật khám chữa bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, chăm sóc người bệnh, Giao tiếp ứng xử...

- Hiểu biết về phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong công tác điều dưỡng.

Chương III

QUY TRÌNH XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Điều 6. Quy trình và tổ chức xây dựng chương trình đào tạo

1. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo

a) Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy định này;

b) Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

c) Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

d) Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo;

đ) Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định;

e) Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở về chương trình đào tạo;

g) Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng;

h) Bước 8: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên

ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

2. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo

a) Hiệu trưởng trường đại học được phép đào tạo trình độ sau đại học (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ sở đào tạo) giao cho đơn vị chuyên môn trực thuộc thực hiện các Điểm a và h Khoản 1 Điều này và ra quyết định thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo (sau đây gọi là Tổ soạn thảo) trên cơ sở đề nghị của Trưởng đơn vị chuyên môn trực thuộc để thực hiện các Điểm b, c, d, đ, e, g của Khoản 1 Điều này;

b) Thành phần Tổ soạn thảo là những người am hiểu về chuyên ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo bao gồm: đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện phòng đào tạo, một số giảng viên đứng chuyên ngành đào tạo, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và đại diện một số doanh nghiệp/cơ quan sử dụng lao động thuộc chuyên ngành. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định tiêu chuẩn, số lượng thành viên tham gia Tổ soạn thảo.

Điều 7. Quy trình thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định) theo đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo. Tiêu chuẩn và cơ cấu Hội đồng thẩm định được quy định như sau:

a) Hội đồng thẩm định có ít nhất 5 thành viên là các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đứng chuyên ngành đào tạo với chương trình cần thẩm định; trong đó có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo; các thành viên Tổ soạn thảo không tham gia Hội đồng thẩm định. Khuyến khích các cơ sở đào tạo mời giảng viên có uy tín của các trường đại học trong nước tham gia hội đồng thẩm định chương trình;

Trường hợp không có người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng thẩm định thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của chương trình đào tạo tham gia làm ủy viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ;

b) Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, Thư ký và một số ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau. Cơ sở đào tạo có chương trình cần thẩm định không tham gia hoặc chỉ cử một người tham gia hội đồng thẩm định;

Trường hợp chương trình cần thẩm định thuộc chuyên ngành mới, chưa có cơ sở nào ở Việt Nam đào tạo thì Hội đồng thẩm định gồm những người đủ tiêu chuẩn theo quy định này thuộc ngành gần, đã nghiên cứu và công bố ít nhất một công trình khoa học liên quan đến chương trình cần thẩm định (trừ thành viên

đại diện cho đơn vị sử dụng lao động).

2. Thẩm định chương trình đào tạo

a) Hội đồng thẩm định căn cứ vào các quy định của quy chế đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định hiện hành về chương trình đào tạo; yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định để thẩm định chương trình;

b) Cuộc họp của hội đồng thẩm định phải được ghi thành biên bản chi tiết; trong đó có kết quả biểu quyết về kết luận của hội đồng thẩm định, có chữ ký của các thành viên hội đồng;

c) Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không được thông qua.

3. Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của hội đồng khoa học và đào tạo; công bố công khai chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo thực hiện trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

Điều 8. Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá chương trình đào tạo

1. Quy trình cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo

a) Bước 1: Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo

b) Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...);

c) Bước 3: Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo;

d) Bước 4: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua;

đ) Bước 5: Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo

sửa đổi, bổ sung. Nếu cần thiết, Hội đồng khoa học và đào tạo quyết định việc thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung theo Điều 7 của Quy định này.

2. Tổ chức đánh giá chương trình đào tạo

a, Ít nhất 2 năm một lần, Trường phòng đào tạo phải tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 1 Điều này (từ bước 1 đến bước 4). Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo Điều 6 của Quy định này hoặc theo quy trình rút gọn và tổ chức đơn giản hơn, tùy theo mức độ sửa đổi, cập nhật;

b, Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của hội đồng khoa học và đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá theo Khoản 1 Điều này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định tại Thông tư này về khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo; ban hành chuẩn đầu ra đối với mỗi chương trình đào tạo.

2. Hiệu trưởng tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo hiện hành; ban hành chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư này trước ngày 01/01/2016.

3. Hiệu trưởng có trách nhiệm thực hiện các quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo; quy định cụ thể các nội dung của quy định này phù hợp với yêu cầu của trình độ, ngành/chuyên ngành đào tạo và điều kiện của cơ sở đào tạo.

Điều 10. Kiểm tra, thanh tra

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra nội bộ và tự đánh giá việc tổ chức thực hiện các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của nhà trường theo quy định tại Thông tư này.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này tại các cơ sở đào tạo.

Điều 11. Xử lý vi phạm

1. Trường Đại học Y khoa Vinh vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các trách nhiệm pháp lý khác theo quy định hiện hành; nếu vi phạm quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này thì bị đình chỉ tuyển sinh 12 tháng, nếu tái phạm thì bị thu hồi quyết

định mở ngành đào tạo.

2. Hiệu trưởng và những người trực tiếp vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật trong các trường hợp sau đây:

a) Không đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo;

b) Không thực hiện đúng quy trình về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo;

c) Không lưu trữ các văn bản, tài liệu minh chứng cho việc triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư này;

d) Không thực hiện các quy định khác của Thông tư này./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Cảnh Phú

**QUY TRÌNH XÂY DỰNG, RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO DẠY
HỌC CỦA TRƯỜNG ĐHYK VINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 50 /QĐ-ĐHYKV ngày 5 tháng 4 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Khoa Vinh).*

1. Quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá chương trình đào tạo

TT	NỘI DUNG	PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	THỜI GIAN
1.	Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp	BGH, TT&ĐBCL PĐT Khoa	Tháng 2-4 hàng năm
2	Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Hội đồng KH và ĐT Khoa	Tháng 4-5 hàng năm
3	Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra	Hội đồng KH và ĐT Khoa Bộ môn	Tháng 4-5 hàng năm
4	Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo	Khoa Bộ môn	Tháng 5-6 hàng năm
5	Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định	PĐT	Tháng 5-6 hàng năm
6	Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở về chương trình đào tạo	Phòng TT&ĐBCL	Tháng 5-6 hàng năm

7	Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng	PĐT	Tháng 6-7 hàng năm
8	Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động	Ban Giám hiệu Hội đồng KH&ĐT	Tháng 7-8 hàng năm

2. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo

- a) Hiệu trưởng giao cho PĐT, TT&ĐBCL phối hợp Khoa, bộ môn thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo.
- b) Thành phần Tổ soạn thảo là những người am hiểu về chuyên ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo bao gồm: đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện phòng đào tạo, một số giảng viên đứng chuyên ngành đào tạo, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và đại diện một số doanh nghiệp/cơ quan sử dụng lao động thuộc chuyên ngành.
- c) Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định tiêu chuẩn, số lượng thành viên tham gia Tổ soạn thảo.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Cao Trường Sinh

**QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
DẠY HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 150/QĐ-ĐHYKV ngày 5 tháng 4 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Khoa Vinh).

1. Quy trình thẩm định chương trình đào tạo

TT	NỘI DUNG	PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	THỜI GIAN
1.	Thành lập Hội đồng thẩm định: có ít nhất 5 thành viên là các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng chuyên ngành đào tạo với chương trình cần thẩm định; trong đó có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo.	Ban Giám Hiệu	Tháng 5 hàng năm
2	Tổ chức tiến hành thẩm định dựa trên báo cáo kết quả của Hội đồng chéo, Ban xây dựng CĐR, CTĐT, ĐCHP	Phòng TT&ĐBCL Hội đồng thẩm định	Tháng 6 hàng năm
3	Báo cáo kết quả thẩm định CĐR, CTĐT, ĐCHP trình Hội đồng KH&ĐT	Hội đồng thẩm định	Tháng 7 hàng năm
4	Hiệu trưởng xem xét và ban hành, công bố công khai CĐR, CTĐT, ĐCHP và các điều kiện đảm bảo thực hiện trên trang thông tin điện tử của trường	Hiệu trưởng	Tháng 8 hàng năm

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Cao Trường Sinh

**QUY TRÌNH CẬP NHẬT VÀ TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO DẠY HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-ĐHYKV ngày 5 tháng 4 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Khoa Vinh).*

1. Quy trình cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo

TT	NỘI DUNG	PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	THỜI GIAN
1.	Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo	Ban giám hiệu Phòng đào tạo	Tháng 3,4 hàng năm
2	Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực y tế, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTĐT; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...)	Phòng đào tạo Khoa Bộ môn	Tháng 4,5 hàng năm
3	Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển CTĐT và mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT	Phòng đào tạo Trung tâm HLTV Khoa	Tháng 5, 6 hàng năm

4	Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hội đồng KH và ĐT xem xét thông qua	Phòng đào tạo	Tháng 6,7 hàng năm
5	Hội đồng KH và ĐT xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung. Nếu cần thiết, Hội đồng KH và ĐT quyết định việc thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi.	Hội đồng KH và ĐT	Tháng 7,8 hàng năm

2. Tổ chức đánh giá chương trình đào tạo

a) Ít nhất 2 năm một lần, nhà trường phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy trình rút gọn và tổ chức đơn giản hơn, tùy theo mức độ sửa đổi, cập nhật;

b) Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của hội đồng khoa học và đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Cao Trường Sinh